

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 07 – 7 - 2020.

V/v ly hôn giữa anh N và chị T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng;

2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn N, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm M, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn 6, xã Gi, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa có mặt anh N, vắng mặt chị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Văn N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 21/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống và mặt khác chị T không quen thời tiết khí hậu ngoài bắc. Đến tháng 12/2017 chị T về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng đã ly thân. Nay N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn.

Về con chung: Anh Đinh Văn N xác định anh và chị T có một con chung là cháu Đinh Văn K, sinh ngày 17/12/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị T. Sau khi ly hôn anh đề nghị để chị T nuôi cháu K và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung: Anh Đinh Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị T đang cư trú tại Thôn 6, xã Gi. huyện L, tỉnh Lâm Đồng do vậy Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định đã quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng làm việc với bị đơn chị Nguyễn Thị T, chị T có bản tự khai gửi cho tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Nội dung bản tự khai của chị T khai về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với quan điểm anh N trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị T xác định là vợ chồng thường xuyên cãi vã do anh N tiêu xài chơi bời nợ nần không lo cho vợ con dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay anh N có đơn xin ly hôn với chị, chị T có quan điểm đồng ý ly hôn với anh N. Về con chung, chị T xác định anh chị có một con chung là cháu Đinh Văn K, sinh ngày 17/12/2017. Sau khi ly hôn chị T đề nghị được nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, nợ chung: chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Văn N và chị Nguyễn Thị T. Giao con chung là cháu Đinh Văn K, sinh ngày 17/12/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên anh N phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tuy bị đơn là chị Nguyễn Thị T cư trú tại Thôn 6, xã Gi. huyện L, tỉnh Lâm Đồng, nhưng chị T và anh N có đơn thoả thuận đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết việc ly hôn của chị và anh N. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn N và chị Nguyễn Thị T kết hôn vào ngày 21/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Như vậy hôn nhân giữa anh Đinh Văn N và chị Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh N, chị T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân không quan tâm chăm sóc tới nhau từ tháng 12/2017, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị T cũng không muốn níu giữ tình cảm, nhất trí ly hôn với anh N. Thấy việc thuận tình ly hôn của anh N và chị T là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đinh Văn N và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đinh Văn K, sinh ngày 17/12/2017. Xét thấy hiện nay cháu K còn nhỏ, kể từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân thì cháu được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến nay, mặt khác hai bên thống nhất để chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu K là phù hợp với sự phát triển về thể chất và tâm lý cho cháu nên cần chấp nhận nguyện vọng để chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu K. Chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Thấy việc thỏa thuận của anh N và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật vì vậy nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đinh Văn N và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đinh Văn N phải nộp án phí dân dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Văn N và chị Nguyễn Thị T.

2 - Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Đinh Văn K, sinh ngày 17/12/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đinh Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. (hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K). Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm anh Đinh Văn N phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001652 ngày 12/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh N, vắng mặt chị T. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương